

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐDTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 29/11/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RC3+RP2+CTC1	7:25	11+0+11	0+0+0		5+2+8	0+0+0	
2		TD5	7:25	17	0		22	0	
3		P5+P1+RP2	7:25	4+0+18	0+0+0		2+0+20	0+0+0	CHUYEN 1 P5-P1
4		TD2	7:25	19	0		13	0	
5		PVD2+P2-RP2	9:25	3+10	0+0		8+4+8	0+0	
6		TD3+CTC1	9:25	19+2	0+0		16+3	0+0	

^TTTBDSX P1 Cef Ceu (XNK - Bepu nhau xuap huyet tren hoac)

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
ĐI VỀ TRONG NGÀY CTC1-3 NG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/11/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:32
FLIGHT: 1	TO: RC3 - RP2 - CTC1	CREW: Hạnh - Dương - HIẾU	ETA: 09:10
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ LÊ TRUNG	RC3	87	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN ĐỨC KHANG	RC3	89	1	8		81	KH-THAC	Vietnamese
3	HO QUỐC CUONG	RC3	94	1	7	40	65	PV GAS	Vietnamese
4	TRẦN QUYẾT TIỀN	RC3	95	1	6	90	67	PV GAS	Vietnamese
5	PHAN HAI VIỆT	RC3	96	1	4		86	KH-THAC	Vietnamese
6	NGÔ KHANH NAM	RC3	84-86	3	10		78	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM THẾ MẠNH	RC3					80	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG NGỌC LAN	RC3	88	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN XUÂN SAU	RC3	92	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
10	LƯU VĂN KHƯƠNG	RC3	90-91	2	6		72	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ VĂN QUYỀN	RC3	93	1	4		55	GETRACO	Vietnamese
12	KRAMARENKO	CTC1					70	D-HANH	Russian
13	VŨ VĂN MẠNH	CTC1					80	D-HANH	Vietnamese
14	KHALIMOV A.A	CTC1	28,36	2	20		90	KH-THAC	Russian
15	ĐỖ HIỆP PHU	CTC1	89	1	3		54	ANTOAN	Vietnamese
16	TRẦN TRỌNG MẠNH	CTC1	49	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TIỀN THỨC	CTC1	35	1	5		84	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI SỸ HIẾU	CTC1	50	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐẬU HUY HOÀNG	CTC1	24-25	2	10		67	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ QUANG ANH HUNG	CTC1	27	1	4		59	KH-THAC	Vietnamese
21	VŨ QUANG TUYẾN	CTC1	26	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐÀO XUÂN THỌ	CTC1	34	1	5		70	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC3	11	13	59	800	130	5		
2	RP2	0	0	0	0	10	6		
3	CTC1	11	11	67	763	0	7		
TOTAL		22	24	126	1.563	140	18		
WEIGHT KG				126	1.563	140			

GRAND TOAL: 1.829 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/11/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: TD5	CREW: QViệt - MTHAO - Toan	ETA: 09:15
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN DƯ	TD5	67,79	2	18		67	YTE	Vietnamese
2	ALEKHIN A.G	TD5	64	1	10		100	KHOAN	Russian
3	VÕ NGUYỄN KHANG	TD5	77	1	10		83	KHOAN	Vietnamese
4	TRỊNH HOANG KHANH	TD5	68	1	9		82	KHOAN	Vietnamese
5	BUI ĐỨC TOAN	TD5	75	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
6	LUU THE DIEN	TD5	78	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN ANH TUÊ	TD5	71	1	2		53	KHOAN	Vietnamese
8	ĐẶNG VĂN HƠN	TD5	76	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
9	ĐẶNG ĐÌNH THỌ	TD5	70	1	7		67	KHOAN	Vietnamese
10	TÔ THANH HƯNG	TD5	66	1	5		52	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN MINH CÔNG	TD5	72	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN CAO KHANH	TD5	65	1	4		64	KHOAN	Vietnamese
13	ĐOÀN CAO DANH	TD5	73	1	8		60	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ ANH NGUYỄN	TD5	69	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
15	NG. VĂN DUNG-PVDT	TD5	70	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
16	ĐÀO QUANG MINH*TT	TD5	80	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN VĂN MẠNH	TD5	74	1	12		60	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	17	18	119	1.170	0	22		
TOTAL		17	18	119	1.170	0	22		
WEIGHT KG				119	1.170	0			

GRAND TOAL: 1.289 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/11/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	TO: P5 - P1 - RP2	CREW: Phong - VAnh - DTùng	ETA: 09:20
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRƯỜNG QUYẾT THẮNG	P5	68	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN XUÂN ĐỒNG	P5	67	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN GIA CUONG	P5	66	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN LÊ ĐĂNG QUANG	P5	65	1	12		83	KH-THAC	Vietnamese
5	TAPACEHKO A.A	RP2	46	1	9		74	KH-THAC	Russian
6	LY XUÂN TRUNG	RP2	47	1	6		68	YTE	Vietnamese
7	NGUYỄN HÙNG CUÔNG	RP2	59	1	3		82	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐÌNH XUÂN GIANG	RP2	60	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN LIÊM	RP2	57	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
10	LUU VAN DIEN	RP2	53	1	5	55	75	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐỖ VĂN DŨNG	RP2	55	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐỖ ĐỨC CUÔNG	RP2					80	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN TÂN TÀI	RP2					69	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN DUY HÙNG	RP2	58	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN XUÂN HAI	RP2	50	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ LAM	RP2	51	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN QUANG VINH	RP2	54	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐOÀN KIM NGÂN	RP2	52	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
19	LƯƠNG NGỌC THANH	RP2	56	1	5		96	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ ĐỨC OANH	RP2					65	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ CHI CÔNG	RP2					95	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ VIỆT TRƯỞNG	RP2	48-49	2	7		64	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	4	4	39	297	0	2	71	CHUYEN 1 PAX P5 SANG P1
2	P1	0	0	0	0	0	0		
3	RP2	18	15	71	1.302	55	20		
TOTAL		22	19	110	1.599	55	22		
WEIGHT KG				110	1.599	55			

GRAND TOAL: 1.764 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/11/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 622	ETD: 07:30
FLIGHT: 4	TO: TD2	CREW: Hoài - TRƯỜNG	ETA: 10:30
XANH-1			

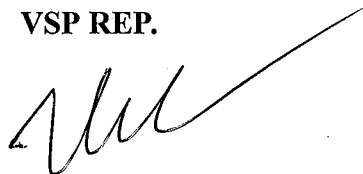
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN TUÂN	TD2	70,10	2	15	60	64	C.TY DUN	Vietnamese
2	DUƠNG BÌNH NGUYỄN	TD2	75	1	12		58	C.TY DUN	Vietnamese
3	TRAN HOANG NHI	TD2	08	1	13		79	C.TY DUN	Vietnamese
4	PHẠM MINH TUÂN	TD2	78	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
5	MAKSIMOV	TD2	09	1	9		119	KH-THAC	Russian
6	NGUYỄN QUANG TUYẾN	TD2	71-72	2	10		61	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI TRỌNG SƠN	TD2	74	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN MINH TRI	TD2	69	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
9	KHÔNG THAI BÌNH	TD2	76	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM THANH TÙNG	TD2					70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TRUNG HIỆU	TD2	73	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ QUANG THÔNG	TD2					68	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ TIỀN VINH	TD2	05	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ QUỐC TIỀN	TD2	04	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN HUY CÔNG	TD2	06-07	2	12		48	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ DUY ĐỨC	TD2	77	1	3		59	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	16	17	114	1.131	60	14		
	TOTAL	16	17	114	1.131	60	14		
	WEIGHT KG			114	1.131	60			

GRAND TOAL: 1.305 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/11/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:40
FLIGHT: 5	TO: PVD2 - P2 - RP2	CREW: Hạnh - Dương - HIẾU	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN QUYET QUYNH	PVD2	64-65	2	18		66	KHOAN	Vietnamese
2	PHAM NGUYEN THANH KHOA	PVD2	62-63	2	18		71	KHOAN	Vietnamese
3	MAI HOANG HA	PVD2	60-61	2	12		52	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN QUANG VINH	RP2	64	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	VU HUU QUAN	RP2	67	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAM XUAN KHOA	RP2	68	1	12	7	66	KH-THAC	Vietnamese
7	VO HOANG CAM	RP2	65	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM TRUNG KIEN	RP2					71	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN DUC HOANG HAI	RP2	71	1	4		82	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN BA DUY	RP2	69	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
11	VU HOANG QUAN	RP2	66	1	6		58	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	3	6	48	189	0	8		
2	P2	0	0	0	0	0	5		
3	RP2	8	7	45	536	7	8		
TOTAL		11	13	93	725	7	21		
WEIGHT KG				93	725	7			

GRAND TOTAL: 825 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/11/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:45
FLIGHT: 6	TO: TD3 - CTC1	CREW: QViệt - MTHAO - Toan	ETA: 11:25
NAU-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SOROKA ANATOLY	TD3	69	1	5		110	KHOAN	Russian
2	PHẠM NGỌC DŨNG	TD3	75	1	3		77	KHOAN	Vietnamese
3	NG. VĂN ANH*MC-PVD	TD3	74	1	7		80	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN VIỆT THANH LUÂN-PVDT	TD3	80	1	3		52	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN TUẤN	TD3	76-77	2	13		68	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN CÔNG MINH	TD3	83	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN HỮU NHÂN	TD3	78	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN CẢNH THẠC	TD3	72	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ VĂN TUẤN*TT	TD3				17	68	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐÌNH QUỲ	TD3	71	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN TRỌNG VIỆT	TD3	73	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VIỆT HÙNG	TD3	82	1	8		77	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN HÙNG	TD3	70	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
14	VŨ TRỌNG NGHĨA	TD3					78	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN CAO	TD3	86	1	12		67	CODIEN	Vietnamese
16	TRẦN CAO TUẤN	TD3	81	1	6		68	CODIEN	Vietnamese
17	HOÀNG HỮU TRỌNG	TD3	85	1	9		70	CODIEN	Vietnamese
18	ĐỖ DUY TIẾN	TD3	88	1	10		85	CODIEN	Vietnamese
19	LÊ ANH TUẤN	TD3	79	1	12		68	CODIEN	Vietnamese
20	PHẠM VĂN BIÊN	TD3	84	1	3		63	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN HỮU NHÂN	CTC1	51-52	2	15		76	NIPI	Vietnamese
22	ĐOÀN TIẾN LŨ	CTC1	53	1	7	50	66	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	20	19	117	1.453	17	16		
2	CTC1	2	3	22	142	50	4		
TOTAL		22	22	139	1.595	67	20		
WEIGHT KG				139	1.595	67			

GRAND TOAL: 1.801 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/11/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 21:15
FLIGHT: CAP CI	TO: P1	CREW: Phong - Dương - THỤ	ETA: 22:40

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN NGOC BA	P1				32	78	Y TE	Vietnamese
2	NGUYEN DUC CUONG	P1					68	Y TE	Vietnamese
3	TA QUANG THANH	P1					65	Y TE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	3	0	0	211	32	4		
	TOTAL	3	0	0	211	32	4		
	WEIGHT KG			0	211	32			

GRAND TOAL: 243 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN